TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - TP HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ CDN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **23**/2023/QĐST-DS	*Hoài Đức, ngày 07 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 116, 117, 459 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ NTX, sinh năm 1946; Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh NVN, sinh năm 1994; HKTT: Tổ dân phố Trung 6, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. (Giấy ủy quyền ngày 10/2/2023 tại Văn phòng công chứng Tây Đô)

- Bị đơn: Cụ CVT, sinh năm 1942; Trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, CDN vụ liên quan:

+ Ông CVT2, sinh năm 1971; Bà NTHM, sinh năm 1973; Chị CHA, sinh năm 1996; Cháu CDN, sinh ngày 21/10/2006 (cháu CDN do ông CVT2, bà NTHM là đại diện);

+ Ông CTT, sinh năm 1979; Bà NTD, sinh năm 1980; Cháu CTL, sinh ngày 22/9/2008, CHT, sinh ngày 19/11/2019 (Cháu CTL, cháu CHT do ông CTT, bà NTD là đại diện).

Cùng HKTT: Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Bà CTH, sinh năm 1981; Ông NTM, sinh năm 1975; Anh NTN, sinh ngày 27/10/2003, NTS, sinh ngày 03/4/2013 (cháu NTS do bà CTH, ôngNTM là đại diện);

Cùng trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Cụ NTX và cụ CVT tự nguyện tặng cho ông CVT2, ông CTT, bà CTH tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 142827 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 30/12/2011 đứng tên cụ CVT và cụ NTX và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490781 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 10/5/1991 đứng tên cụ CVT, cụ thể như sau:

+ Ông CVT2 được toàn quyền sử dụng diện tích 300,6m^2 đất ở tại thửa đất số 198, tờ bản đồ số 4C, Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490781 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 10/5/1991;

+ Ông CVT2 được toàn quyền sử dụng diện tích 50m^2 đất ao thổ cư tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 4C, Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 142827 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 30/12/2011.

+ Ông CTT được toàn quyền sử dụng diện tích 51m^2 đất ao thổ cư tại thửa đất số 268 tờ bản đồ số 4C, Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 142827 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 30/12/2011.

+ Bà CTH được toàn quyền sử dụng diện tích 46m^2 đất ao tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 4C, Thôn P, xã Đ, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A490781 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 10/5/1991.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông CVT2, ông CTT, bà CTH có quyền, CDN vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2.2] Đối với các tài sản trên các thửa đất trên, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về án phí:

Cụ NTX và cụ CVT được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- *Các đương sự;*
- *VKSND h.Hoài Đức;*
- *Chi cục THADS h.Hoài Đức;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng*.

Phạm Thị Lan Anh